

Số: 4329/TTr-UBND

Bình Dương, ngày 11 tháng 11 năm 2016

|                                |                     |
|--------------------------------|---------------------|
| VĂN PHÒNG HĐND TỈNH BÌNH DƯƠNG |                     |
| <b>ĐẾN</b>                     | Số: 331/2016        |
|                                | Ngày 11 - 11 - 2016 |
|                                | Chuyên: .....       |

## TỜ TRÌNH

Về việc quyết định mức thu, nộp lệ phí  
hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, Luật Hộ tịch 2014, Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 3 quyết định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

Luật Hộ tịch được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 20/11/2014, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016; Luật Phí và lệ phí có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017. Trong đó, có quy định thẩm quyền quyết định mức thu thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh. Bên cạnh đó, các văn bản trên đều có những quy định mới so với các quy định trước đây. Vì vậy, các văn bản liên quan đến mức thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Dương như: Nghị quyết số 19/2008/NQ-HĐND7 ngày 22/7/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 39/2008/QĐ-UBND ngày 15/8/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về mức thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Dương không còn phù hợp.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Dương là cần thiết và phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành.

### II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO

#### 1. Đối tượng nộp lệ phí:

Cá nhân đăng ký các việc hộ tịch, yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch phải nộp lệ phí, trừ các trường hợp được miễn, giảm theo quy định.

#### 2. Đối tượng được miễn lệ phí:

Căn cứ quy định tại Điều 11 Luật Hộ tịch, đối tượng được miễn lệ phí hộ tịch bao gồm:

- Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo (theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương); người khuyết tật.

- Đăng ký khai sinh đúng hạn, đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký giám hộ, đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.



### **3. Đối tượng được giảm 50% lệ phí hộ tịch**

Luật Hộ tịch đã quy định cụ thể các đối tượng được miễn lệ phí hộ tịch, do đó, căn cứ quy định tại Điều 10 Luật Phí và lệ phí, đề nghị đối tượng được giảm 50% lệ phí hộ tịch là công dân Việt Nam cư trú trong nước như sau:

- Đăng ký hộ tịch cho người thuộc đồng bào dân tộc thiểu số;
- Đăng ký hộ tịch cho trẻ em;
- Đăng ký hộ tịch cho người cao tuổi.

### **4. Cơ quan thu lệ phí hộ tịch**

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

b) Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

### **5. Mức thu lệ phí hộ tịch**

a) Giữ nguyên mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 19/2008/NQ-HĐND7 ngày 22/7/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu lệ phí hộ tịch (có phụ lục kèm theo).

b) Đề xuất bổ sung mức thu đối với một số nội dung mà Nghị quyết số 19/2008/NQ-HĐND7 quy định được miễn nhưng Luật Hộ tịch và Thông tư số 179/2015/TT-BTC quy định thu, cụ thể:

- Mức thu của Ủy ban nhân dân cấp xã:

+ Đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh sau 60 ngày kể từ ngày trẻ em được sinh ra; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân; đăng ký lại khai tử; đăng ký khai tử sau 15 ngày kể từ ngày cá nhân chết: 5.000 đồng/trường hợp;

+ Đăng ký lại kết hôn: 20.000 đồng/trường hợp;

+ Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước: 10.000 đồng/trường hợp.

- Mức thu của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

+ Đăng ký khai sinh; đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài: 50.000 đồng/trường hợp.

c) Theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 và Điều 46 Luật Hộ tịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền thay đổi, cải chính hộ tịch trong các trường hợp sau đây:

+ Thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước:

+ Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài không phân biệt độ tuổi.

Tuy nhiên, tại Thông tư số 179/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính chỉ quy định mức thu lệ phí đối với trường hợp “Thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước” là 28.000 đồng/trường hợp mà không quy định mức thu lệ phí đối với trường hợp “thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài”.

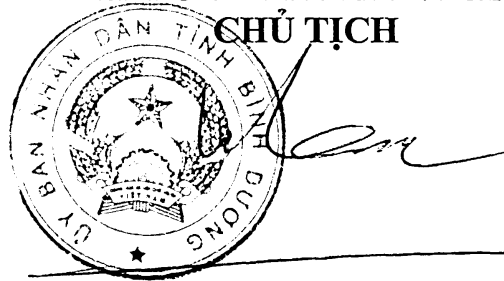
Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị áp dụng mức thu đối với trường hợp “thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài” bằng với mức thu “Thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước” được quy định tại Nghị quyết số 19/2008/NQ-HĐND với mức thu là 25.000 đồng/trường hợp.

Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 3 xem xét, quyết định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.

**Nơi nhận:**

- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp; Sở Tài chính;
- LĐVP(Lg,V), Thù, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm

## PHỤ LỤC



**Mức thu giữ nguyên theo Nghị quyết số 19/2008/NQ-HĐND7 ngày 22/7/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu lệ phí hộ tịch**  
(Kèm theo Tờ trình số 4329/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| STT       | Nội dung đăng ký hộ tịch                                                                                                       | Mức thu                   |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| <b>I</b>  | <b>MỨC THU CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ ĐỐI VỚI VIỆC ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN</b>                |                           |
| 1         | Đăng ký nhận cha, mẹ, con                                                                                                      | 10.000 đồng/trường hợp    |
| 2         | Đăng ký giám hộ                                                                                                                | 5.000 đồng/trường hợp     |
| 3         | Cấp bản sao trích lục hộ tịch                                                                                                  | 2.000 đồng/1 bản sao      |
| 4         | Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân                                                                                          | 3.000 đồng/trường hợp     |
| 5         | Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác                                               | 5.000 đồng/trường hợp     |
| <b>II</b> | <b>MỨC THU CỦA UBND CẤP HUYỆN ĐỐI VỚI VIỆC ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH TẠI UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ</b>                               |                           |
| 1         | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài                                                                                           | 1.000.000 đồng/trường hợp |
| 2         | Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài                                                                                           | 50.000 đồng/trường hợp    |
| 3         | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài                                                                                 | 1.000.000 đồng/trường hợp |
| 4         | Cấp bản sao trích lục hộ tịch                                                                                                  | 5.000 đồng /trường hợp    |
| 5         | Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc. | 25.000 đồng/trường hợp    |
| 6         | Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch đã được giải quyết tại cơ                                                                      | 50.000 đồng/trường hợp    |

|   |                                                                                  |                        |
|---|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|   | quan có thẩm quyền của nước ngoài                                                |                        |
| 7 | Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác hoặc đăng ký hộ tịch khác | 50.000 đồng/trường hợp |